

MỘT SỐ TẬP TỤC Ở HỘI AN LIÊN QUAN ĐẾN TÍN NGƯỠNG THỜ CÚNG CÂY CỐI

Trần Phương

Thờ cúng cây cối là một trong những hình thức tín ngưỡng đã có từ lâu đời trên đất nước Việt Nam và tồn tại cho đến ngày nay. Đây là một loại hình tín ngưỡng biểu hiện sự gắn bó mật thiết giữa con người với tự nhiên và thể hiện cho quan niệm tín ngưỡng “*vạn vật hữu linh*” của người dân Việt Nam. Tại những cây cổ thụ, người ta luôn tin rằng đây là nơi ngự trị của thần linh và các linh hồn bơ vơ không nơi nương tựa, đặc biệt những cây nào càng già cỗi, tán to, rậm rạp thì càng gắn bó nhiều với thần linh. Vào những ngày rằm, ngày mồng một, người dân thắp hương để tỏ lòng tôn kính các vị thần linh hoặc cầu cho những linh hồn bơ vơ không đi lang thang quấy nhiễu dân làng. Thậm chí người ta không dám chặt nhánh hay rẽ cũng như thân cây, không để cho trẻ con leo trèo, phá phách cây vì sợ sẽ làm thần nổi giận.

Tín ngưỡng thờ cúng cây cối, tùy theo đặc thù mỗi vùng miền mà có những đặc điểm khác nhau về đối tượng, hình thức, ý nghĩa thờ những loài cây khác nhau. Trong đời sống văn hóa tín ngưỡng từ xa xưa của người Việt Nam, tín ngưỡng thờ cúng cây cối đã được thể hiện qua câu chuyện Mộc tinh trong tác phẩm Lĩnh Nam chích quái, quyển sách được viết bằng chữ Hán vào thời nhà Trần, chuyện kể về một cây lớn thành tinh gây những nhiễu dân lành, người dân phải lập đền thờ và hằng năm phải cống nạp lễ vật thì cây mới để người dân yên ổn sinh sống. Người Việt còn thờ Mẫu Thượng Ngàn

trong Đạo Tứ Phủ, một vị nữ thần cai quản rừng cây lớn, người ta phải làm lễ cúng và trồng cây để gọi là “*trả lại bà Chúa*”. Cũng trong Lĩnh Nam chích quái, với câu chuyện về Man Nương cho thấy tín ngưỡng thờ cây cối có sự liên quan đến yếu tố Phật giáo, chuyện kể: “*vào thời Hiến Đế nhà Hán, quan thái thú là Sĩ Nhiếp đóng đô thành ở bờ phía nam sông Bình Giang (nay là Thiên Đức Giang). Phía Nam thành đó có chùa thờ Phật, có vị sư từ phương Tây tới, hiệu là Già-la-đồ-lê trụ trì ở đấy, có phép đưng một chân, mọi người đều kính phục gọi là tôn sư, kéo nhau tới học đạo. Hồi ấy có người con gái tên là Man Nương, cha mẹ đều đã mất, nghèo khổ vô cùng, cũng tới đó dốc lòng theo học đạo Phật, nhưng vì ả có tật nói lắp, không thể cùng chúng tụng kinh, thường ở dưới bếp, vo gạo, nhặt rau, nấu nướng cho các vị tăng trong chùa và khách từ phương tới học. Một đêm vào tháng năm, đêm ngắn, tăng đồ tụng kinh đến lúc gà gáy. Man Nương nấu cháo đã chín mà tăng đồ tụng kinh chưa xong, chưa tới ăn cháo. Man Nương bèn nằm tựa ở trong cửa bếp, không ngờ ngủ quên đi mất. Tăng đồ tụng kinh xong đều về phòng riêng. Man Nương ngủ ở giữa cửa, sư Già-la bước qua mình Man Nương. Man Nương tự nhiên mang thai. Có thai được ba bốn tháng, Man Nương xấu hổ bỏ về. Sư Già-la cũng thẹn mà bỏ đi. Man Nương về tới một ngôi chùa ở ngã ba sông thì ở lại đó. Đây tháng sinh ra một đứa con gái, tìm sư Già-la mà trả. Đêm đến, sư Già-la bế đứa con gái tới*

ngã ba đường thấy một cây phù dung cành lá xum xuê, có một cái hốc sâu mà sạch sẽ, sư đặt đĩa trẻ vào mà nói: "Ta gửi con Phật, mi giữ lấy sẽ thành Phật đạo". Già-la, Man Nương từ già ra về, Già-la cho Man Nương một cây trượng mà bảo: "Ta cho nàng vật này, nàng về nhà nếu gặp năm đại hạn thì lấy trượng cắm xuống đất, lấy nước cứu sinh dân". Man Nương cung kính bái lĩnh mà về ở trong chùa. Gặp năm đại hạn, nàng lấy trượng cắm xuống đất, tự nhiên nước cuộn cuộn chảy ra, dân được nhờ ơn. Khi Man Nương ngoài chín mươi tuổi là lúc cây phù dung bị đổ, trôi ra ở bên sông trước cửa chùa, quanh quẩn ở đấy mà không trôi đi. Dân thấy thế, định bỏ làm củi nhưng rìu nào cũng đều bị gãy, bèn đưa hơn ba trăm người trong làng

tảng đá rất rắn. Tốp thợ lấy rìu đập tảng đá, rìu đều bị mẻ. Họ liền vớt đá xuống vực sông, một tia sáng chói lên, hồi lâu đá mới chìm xuống nước. Bọn thợ đều chết cả. Dân mời Man Nương bái lễ, thuê dân chài lặn xuống nước vớt lên, rước vào tự điện, đặt vào bên trong tượng Phật, tượng Phật tự nhiên trông như mạ vàng. Sư Già-la đặt Phật hiệu là: Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Long, tứ phương cầu đảo không điều gì không ứng. Dân làng đều gọi Man Nương là Phật mẫu. Ngày 4 tháng 4, Man Nương không bệnh mà chết, táng ở trong chùa. Người đời lấy ngày này làm ngày sinh của Phật. Hàng năm, tới ngày ấy, nam nữ bốn phương thường tụ hội ở chùa này vui chơi ca múa, người đời gọi là hội Tắm Phật".¹



Cây đa ở An Bang – Cẩm An

ra kéo cây gỗ lên mà không chuyển. Gặp lúc Man Nương xuống bên rửa tay, thử kéo chơi thì cây chuyển động. Chúng đều ngạc nhiên, bảo Man Nương kéo lên bờ sai thợ tạc bốn pho tượng Phật. Khi xẻ cây gỗ đến chỗ đặt đĩa con gái thì thấy đã hóa thành một

Đôi với các dân tộc thiểu số ở Việt Nam, có nhiều câu chuyện thần thoại lưu truyền từ bao đời nay về tập tục thờ cúng cây cối. Người Mường

¹ Trần Thế Pháp (2013), *Linh Nam chí quái* - Thành phố Hồ Chí Minh; NXB Trẻ - Hồng Bàng; Ttr. 85-86.

luôn tôn thờ cây si là tổ tiên của mình qua câu chuyện cây si thần bị bão làm gãy đổ, trong đó bay ra hai con chim lớn là Ác Các Ùa Quê (*Hay Ay và Ua*), chúng bay đến làm tổ ở động Hào và đẻ ra một trăm trứng, trong đó có ba cái to lớn dị thường. Có một vị thần bày cho họ cách ấp trứng, sau 50 ngày có 97 trứng nở ra người, trong đó có 50 người đi về mạn đồng bằng thành người Kinh, còn 47 người lên mạn ngược thành tổ tiên các dân Lào, Mường, Mán, Thồ... Còn lại ba trứng ấp đủ 100 ngày nở ra ba người gồm có hai trai một gái. Tá Cần lấy em gái của mình làm vợ, họ sinh ra những đứa con nhưng chúng đều lần lượt chết đi. Tá Cần lấy vợ mới là Bà Chu Bà Chuông đẻ được 18 người con. Trong số 9 người con trai có một người nối công việc của cha, còn 8 người khác thành bốn họ Đinh, Quách, Bạch, Hoàng chia nhau làm Lang các nơi. Còn 9 người con gái trở thành vợ các Lang.² Bên cạnh đó còn có một thần thoại khác lại kể rằng cây si là cây nhờ mặt trời truyền sức sống đã trở thành bất tử, cây toả lá chia cành đến đâu là đất Mường lan đến đó. Cây hoá thành Bà Dàn - Mẹ khởi nguyên, bà Dàn đẻ ra hai người con trai là Bướm Bạc và Bướm Bờ, về sau lấy hai người con gái trời và sinh ra các chúa Mường, đẻ ra chim Tùng chim Tót, sau chim đẻ ra trứng, trứng nở thành muôn loài. Bà Dàn cũng là nữ thần dạy con người cách làm ăn.³ Có thể thấy được biểu tượng cây vật tổ và cây vũ trụ trong thần thoại các dân tộc thiểu số Việt Nam đã thể hiện ý niệm về tổ tiên, nguồn gốc các tộc người. Leopold Cadiere cho rằng: “Theo quan sát dân

tộc học thì những cây được tôn sùng là cây vật tổ và cây vũ trụ đều là những loài cây to lớn, có độ tuổi cao (cây cổ thụ), có hình dáng độc đáo, thân cây thì chằng chịt, đan mắc vào nhau, có khi lại tách ra, xé lẻ để rồi lại nối sát vào nhau; có cây thì thân hình khúc khuỷu, cành vắn vẹo uốn quanh, rễ treo lủng lẳng như một dải tóc lưng lưng trên không, tán lá sà quét xuống đất rồi lại vươn xa, phủ bóng dày đặc bí ẩn. Chính kích thước to lớn của cây, tuổi thọ lâu dài, hình thù kỳ lạ và sự vươn lên bầu trời một cách kỳ vĩ, đây sức mạnh đã tạo ra cho các cây ấy có một quyền lực siêu nhiên, nhiệm mầu. Do đó trong trí tưởng của con người, họ dễ dàng gán cho một chút gì đó nhiệm mầu đủ để biến cây từ một thể giới tự nhiên bổng nhập vào một thể giới siêu nhiên.”⁴ Nhìn nhận theo góc độ siêu hình thì trong mỗi thực thể cây cối đều có hồn, đặc biệt là những cây có kích thước to lớn, hình thù kỳ dị thường được gắn liền với thần⁵. Nhìn nhận về tín ngưỡng thờ thần, Đào Duy Anh có nhận định rằng: “trong sự tín ngưỡng quỷ thần của dân chúng, còn có một thứ thần rất phổ thông ta có thể gọi là thần tự nhiên (*esprits de la nature*) để phân biệt với các hạng quỷ thần đã kể ở trên, tức như thần đá thần cây. Người ta tin rằng có nhiều hòn đá có thần ở, nhất là những hòn đá kỳ hình quái tượng ở hang động hay ở trước cửa đền chùa, hoặc những hòn đá ở giữa ghènh hoặc ở bờ biển thường nguy hiểm cho ghe thuyền. Những cây đa, cây đề, cây si, cây thị, cây đại là những cây hay có thần ở, người ta thường gọi là tinh (mộc tinh). Những con tinh ấy có khi

² Nguyễn Đồng Chi (1956), *Lược khảo thần thoại Việt Nam - Hà Nội*; NXB Ban nghiên cứu văn sử địa; Tr. 67-68.

³ Tạ Đức (1999), *Nguồn gốc và sự phát triển của kiến trúc - biểu tượng và ngôn ngữ Đông Sơn - Hà Nội*; NXB Hội Dân tộc học Việt Nam; Tr. 174.

⁴ Leopold Cadiere (2010), *Văn hoá, tín ngưỡng và thực hành tôn giáo người Việt tập 2 (Đỗ Trinh Huệ duyệt) - Huế*; NXB Thuận Hóa - Tr. 69.

⁵ Tạ Chí Đại Trường (2014) *Thần, người và đất Việt*, NXB Tri Thức, công ty Văn hóa và Truyền thông Nhã Nam - Tr.49.

không phải là thần tự nhiên, mà lại là linh hồn của những người con gái chết phải giờ thiêng, thường hay hiện hình ra để chọc ghẹo con trai”.⁶ Vì thế, trong dân gian có câu: “Thần cây đa, ma cây gạo, cú cáo cây đề”; hay “Cây thị có ma, cây đa có thần”; “Ở cho phải phải phân phân/Cây đa cây thần, thần cây cây đa”. Có thể nói, khi đứng trước những cây đại thụ to lớn, trong suy nghĩ con người có phần sùng bái vì con người tin rằng trên những cây đó có thần hay ma quỷ trú ngụ nên họ đã thờ phụng, cúng lễ để không bị quấy phá mà được che chở trong cuộc sống thường ngày. Không chỉ tôn thờ, sùng bái những cây đại thụ to lớn mà người Việt còn có tập tục thờ những cây cối gần gũi với đời sống hằng ngày của con người, chẳng hạn như tục thờ cây mía trong dịp Tết Nguyên Đán. Người ta thường chọn hai cây mía to cao còn nguyên phần rễ và lá dựng hai bên bàn thờ gia tiên. Giải thích về tập tục này, có nhiều ý kiến khác nhau nhưng cách lý giải phổ biến trong dân gian đó là từng đốt mía như nấc thang để hồn leo lên trời đến cõi siêu sinh và hai cây mía như là cây gậy để ông bà chống gậy tìm về sum họp với con cháu trong ngày tết cổ truyền của dân tộc.

Tại Hội An, vùng đất nằm ở vị trí vùng cửa sông - ven biển, thuộc hạ lưu, tả ngạn sông Thu Bồn, là đầu mối giao thông đường thủy của cả hệ thống sông ngòi ở Quảng Nam. Từ hơn 2.000 năm nay, Hội An đã và đang là nơi giao lưu kinh tế - văn hóa mạnh mẽ giữa các cộng đồng, các dân tộc khác nhau qua các thời kỳ lịch sử, từ đó tạo nên một hệ thống tín ngưỡng đa dạng. Trước khi lưu dân người Việt đến đây sinh sống, nơi đây thuộc địa phận của vương quốc Champa. Đến năm 1306, sau sự kiện

hôn nhân giữa Huyền Trân công chúa và vua Champa là Chế Mân, khu vực Hội An đã là một phần lãnh thổ của nhà nước Đại Việt nhưng thực tế người dân Đại Việt vẫn chưa thể đến đây định cư. Đến năm 1402, sau khi vua Champa là Ba - Đích - Lại dâng đất Chiêm Động và Cổ Lũy Động, Hồ Quý Ly chia làm bốn châu Thăng, Hoa, Tư, Nghĩa, đặt An phủ sứ bộ Thăng Hoa để cai trị, lệnh cho những người dân không có ruộng di cư đến vùng đất mới, đặc biệt là cuộc di dân năm 1471 theo cuộc viễn chinh của vua Lê Thánh Tông. Việc di dân, lập làng ở Hội An tiếp tục diễn ra mạnh mẽ sau khi Nguyễn Hoàng vào trấn thủ Thuận Hóa năm 1558, đến năm 1570 kiêm lãnh trấn Quảng Nam và đến năm 1602 cho lập Trấn Dinh Quảng Nam. Qua những đợt di dân này, người Việt đến định cư tại vùng đất Hội An ngày càng nhiều, những người này phần lớn gắn liền với đời sống nông nghiệp, mà cuộc sống nông nghiệp thì không tránh khỏi việc ảnh hưởng của thời tiết, khí hậu, đất đai... Những trắc trở của thiên nhiên khiến cho con người không khỏi có ý niệm về yếu tố thần linh chi phối. Mỗi khi cảm thấy bất an, con người đều đi tìm sự bình an bằng đời sống tâm linh. Bên cạnh tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, Thành hoàng, thờ Cá Ông, thờ Tiên hiền,... của người Việt hay tục thờ Quan Công, Thiên Hậu Thánh mẫu, Bắc đẩu Trấn Võ, Mã Viện, Lục tách Vương gia,... của người Hoa và thờ cả Linh Cậu (*chó thần*), Thần Hầu (*khỉ thần*) theo tín ngưỡng tô tem của người Nhật thì tín ngưỡng thờ cúng cây cối cũng là một trong những niềm tin của cư dân Hội An, tất cả đều mong muốn được sự chở che, cứu giúp họ vượt qua những khó khăn, hoạn nạn trong cuộc sống ở một vùng đất mới, nơi mà phong tục, thổ nhưỡng còn khá xa lạ.

⁶ Đào Duy Anh (1992) Việt Nam Văn hóa Sử cương, NXB Thành phố Hồ Chí Minh - Tr.249.



Thờ tự ở cây đa bia yêm

Trong quá trình di cư đến vùng đất Quảng Nam nói chung và Hội An nói riêng, vùng đất xưa của người Champa, những lưu dân Việt đã dần thích nghi và hòa nhập với hoàn cảnh và môi trường mới, một nơi vừa khác biệt về phong tục tập quán vừa khác biệt về điều kiện thổ nhưỡng. Để tồn tại được và phát triển đời sống, những lưu dân người Việt bắt buộc phải thích ứng với những phong tục mới. Theo Li Tana: “Người Việt Nam đã bị chi phối rất nhiều bởi phong tục của người Chăm. Sống trong vòng ảnh hưởng của bùa, phép, thư, ếm rất linh ứng, người Việt bị bắt buộc phải theo các tục lệ hoặc phương thức thờ cúng của người Chiêm Thành”.⁷ Tuy nhiên, những lưu dân người Việt trong quá trình sinh sống đã khéo léo dung hòa giữa những phong tục, tín ngưỡng truyền thống với phong tục tín ngưỡng dân cư bản địa, từ đó vừa gìn giữ được những phong tục tín ngưỡng truyền thống vừa góp phần

tạo nên sự phong phú, đa dạng các hình thức tín ngưỡng. Người Champa tôn thờ cây cau và cây dừa, tuy nhiên họ lại kiêng cử không trồng các cây cao lớn ở trong làng và gần nhà vì người ta cho rằng đó là nơi ở của ma quỷ, nếu trồng cây trong làng hoặc gần nhà thì chúng sẽ quấy nhiễu cuộc sống của dân làng. Trong khi đó, những lớp lưu dân người Việt sinh sống tại đây mặc dù bị chi phối bởi phong tục của người Champa nhưng họ có sự tiếp nhận một cách có chọn lọc nhằm gìn giữ tín ngưỡng truyền thống của mình, điều đó thể hiện qua việc người Việt vẫn trồng và tôn thờ những cây cao lớn trong làng, tiêu biểu ở đây là cây đa. Cây đa là hình tượng biểu hiện cho sự trường tồn, sức sống dẻo dai, thường được trồng ở vị trí đầu làng, cuối làng, giữa làng và bên cạnh các di tích tín ngưỡng. Những cây đa xanh tốt tỏa bóng làm cho các di tích trở nên linh thiêng hơn, con người khi bước đến di tích cũng cảm thấy được thư thái hòa đồng hơn với thiên nhiên. Không những vậy, cây đa còn gắn liền với biểu tượng của làng quê truyền thống Việt Nam “*cây đa, bến nước, sân đình*”. Ở Hội An, trong mỗi đình, chùa, miếu, lăng hầu như đều có những cây cối mang yếu tố tâm linh như cây đa, sanh thường trồng tại các đình, miếu, cây bồ đề được trồng nhiều tại các chùa với ý niệm “Bồ đề” (*giác ngộ thành Phật*). Trong số các cây cổ thụ gắn liền với di tích ở Hội An, cây đa đình áp Xuân Mỹ (*khối Nam Diêu – phường Thanh Hà*) có thể được xem là một trong những hình ảnh tiêu biểu cho văn hóa làng quê truyền thống ở Hội An. Cây có kích thước to cao, tán rộng, các rễ phụ phát triển bao quanh gốc cây và bao quanh một bệ thờ tượng voi đá, có thể trước đây nơi này là một miếu thờ, bên trong có tượng voi, về sau cây đa phát triển bao phủ lên cả ngôi miếu.

⁷ Li Tana (1999) Xứ Đàng Trong, Hồ Chí Minh; NXB Trẻ - Tr.196.

Mỗi một cây cổ thụ, với sự tồn tại hàng trăm năm, trải qua những giai đoạn, những biến chuyển khắt nghiệt của thời gian và biến cố lịch sử, bản thân mỗi cây sẽ mang những đặc trưng, dấu ấn của một địa danh, người ta thường có thói quen gắn một địa điểm cùng với một cây cối nào đó, như xóm cây đa, xóm cây me, cây đa xóm chùa, cây me nhà thương... Đến thời điểm hiện nay, trải qua những thăng trầm của lịch sử, những biến đổi về mặt đô thị hóa nhưng những cây cổ thụ ở Hội An vẫn tồn tại song hành với tín ngưỡng của người dân địa phương, với những công trình di tích tín ngưỡng đình, chùa, miếu mạo, là nơi lưu giữ các ký ức của cộng đồng, của văn hóa làng/xã ở Hội An. Khi nhắc đến Cây Đa - Da Kèn ấp Xuân Lâm, người dân ở Hội An hầu như ai cũng biết đến. Cây Da Kèn được trồng từ khi nào không rõ, theo các cụ kỳ hào cho biết trước đây được nghe người lớn kể lại rằng trước đây khu vực này có nhiều cây cối rậm rạp, dân cư sinh sống thưa thớt. Trong thời kỳ Pháp thuộc, khu vực này được khai mở nhiều tuyến đường, tuyến phố mới, ở khu vực gần đình ấp Xuân Lâm có một cây đa rất lớn, cành lá um tùm. Trong bài viết của nhà nghiên cứu Trương Đình Quang có đề cập đến cây đa này trong bài viết “Cây cối ở Hoài Phố - Cây Da Kèn”: “*Phố Hội, ngay đầu phố Trần Cao Vân có cây da kèn. Cái tên nghe là lạ. Ngày xưa, người Hoài Phố không có cái tên ấy. Là cây đa chùa ấp Xuân Lâm*”. Về sau, có một đội kèn tây phục vụ trong đồn lính Pháp ở Hội An thường xuyên tụ họp dưới gốc cây đa này để tập luyện các bài nhạc, và trải qua một thời gian dài,

người dân dần quen thuộc với tên gọi cây Da Kèn là nguyên do vậy. Có cây cổ thụ lại gắn liền với những câu chuyện ly kỳ, thần bí đó là cây đa bia yếm ở đường Phan Chu Trinh. Cây đa bia yếm có thân khá to, rễ phụ chằng chịt phát triển thành những thân phụ bao phủ lên một am thờ nhỏ xây bằng gạch ở phía Bắc của gốc cây, bên trong có đặt một tấm bia đá khắc chữ Hán và những hình vẽ. Cũng chính từ tấm bia đá này đã xuất hiện những câu chuyện ly kỳ được một số người giàu trí tưởng tượng cho rằng đó là tấm bản đồ kho báu. Tuy vậy, theo các nhà nghiên cứu đây là một tấm bia yếm thủy đạo nhằm mục đích khắc phục những yếu tố bất lợi của phong thủy đối với vùng đất cư dân đang sinh sống. Có thể thấy rằng, cây đa không chỉ bảo vệ am miếu và tấm bia yếm đến ngày nay mà còn phản ánh sự tồn tại, phát triển lâu đời của vùng đất và những nét đặc trưng văn hóa, tín ngưỡng trong đời sống của người dân Hội An từ xa xưa. Cây cổ thụ ở Hội An còn gắn liền với sự tồn tại của các di tích tín ngưỡng và các sự kiện lịch sử vùng đất, có thể nói đến cây đa miếu Ngũ Hành (*đường Phan Chu Trinh*), cây có thân khá to cao, rễ phụ chằng chịt bao trùm lên ngôi miếu Ngũ Hành tạo nên khung cảnh linh thiêng, cổ kính. Trong công cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm, địch xây dựng nơi đây thành một nhà lao (*nhà lao Thông Đặng*) để giam cầm đồng bào, chiến sĩ cách mạng yêu nước. Cây đa miếu Ngũ Hành không chỉ là có giá trị cao về mặt sinh thái, tự nhiên mà còn là chứng tích lịch sử với biết bao biến động đau thương của đất và người Hội An.

Đối với cây cổ thụ, người dân Hội An thể hiện sự sùng bái qua những hoạt động thường xuyên như thắp hương trên thân cây vào sáng sớm và chiều tối, một số cây được lập ban/khám thờ để hằng ngày dâng hương, hoa quả, bánh trái. Đặc biệt vào những ngày rằm còn dâng lễ vật gà, xôi chè, bánh trái và đứng trước gốc cây cổ thụ khấn vái, cầu mong những điều tốt lành đến với gia đình và bản thân. Hay ta thường thấy xung quanh gốc cây cổ thụ có đặt các vật dụng như ông bình vôi, cối đá, đồ thờ tự đã cũ hoặc hư hỏng nhưng người ta không dám vất đi lung tung. Khi đứng gần cây cổ thụ, người ta còn nhiều kiêng cử như không nói lớn tiếng, không dùng những từ ngữ thô tục, không leo trèo đùa nghịch trên thân cây và không tự ý chặt nhánh cây/thân cây, vì người ta tin rằng những việc làm đó là bất kính, mạo phạm đến thần cây, sẽ bị quả trách. Về những khám thờ, ban thờ ở đây không theo một khuôn khổ nhất định, có thể ở cây này người ta đặt một khám gỗ dưới gốc hoặc trên thân

cây, hay xây một khám/ban thờ bằng xi măng. Nói về những khám ban/khám thờ, E.B. Tylor nhận định: *“xét về mục đích tôn giáo thì không có một sự khác nhau thật sự nào giữa một cây thiêng và một cánh rừng thiêng cả. Cây có thể để dùng làm một cái bệ hay một cái bàn thờ, vừa thuận tiện, vừa lịch sự để bày những lễ vật lên cúng cho một thực thể ma. Thực thể này có thể là ma cây hay một vị thần địa phương nào đó sống trong đó, và cũng giống như người, nó có chỗ ở và một mảnh đất quanh chỗ ở. Bóng râm của một cây đơn độc... là những nơi mà như chính tự nhiên dành để thờ... Cuối cùng, cây chỉ có thể là một vật thiêng được thần thánh che chở hoặc gắn với thần thánh, hoặc đó cũng là một hình ảnh tượng trưng của thần thánh”*.⁸ Nói về tập tục thờ cây cối ở Hội An, có thể kể đến tục dựng cây Nêu ngày tết nguyên đán. Dựng cây Nêu là một trong những tập tục truyền thống của cư dân Việt Nam nói chung, cư dân Hội An nói riêng vào dịp tết nguyên đán. Từ xa xưa, để chuẩn bị ăn Tết, người ta thường lo mua sắm, làm bánh mứt, vệ sinh, trang hoàng nhà cửa... và dựng một cây nêu trước sân nhà, sân đình,... Cây Nêu được xem là biểu tượng của sự trừ tà, trấn ác, ước mong bình an, mưa thuận gió hòa và khẳng định chủ quyền lãnh thổ đất đai của gia đình, làng xóm, cộng đồng. Theo một số tư liệu xưa, tại Đàng Trong cũng như ở Hội An, cư dân thường dựng cây Nêu vào những ngày cuối năm. Trong tác phẩm *Gia Định Thành thông chí* được xuất bản vào thời Minh Mạng, đầu thế kỷ XIX, tác giả Trịnh Hoài Đức viết: *"Ngày trừ tịch tức ngày cuối cùng của năm, ở trước cửa lớn mọi nhà đều dựng 1 cây tre, trên buộc cái giỏ bằng tre, trong giỏ*



Tượng thờ trong cây đa đình Xuân Mỹ

⁸ E.B. Tylor (2000) *Văn hóa nguyên thủy* - Hà Nội; NXB Văn hóa Nghệ thuật - Tr.794.

đựng trâu, cau, vôi, ở bên giỏ có treo giấy vàng bạc, gọi là dựng nêu... Đến ngày mùng 7 Tết thì triệt hạ, gọi là hạ nêu. Trong mấy ngày Tết phàm những khoản nợ nần thiếu thốn đều không được đòi hỏi, đợi ngày hạ nêu rồi mới được đòi". Trong sách Đại Nam Thực lục chính biên, tập sáu, phần năm Ất Ty, Thiệu Trị năm thứ 5 tức năm 1845, mùa Đông, tháng 12 về định lại ngày tế hợp hưởng có dụ rằng: "Hàng năm, tháng chạp làm lễ "tuế trừ", tháng đầu, vào ngày 30, tháng thiếu vào ngày 29... đến ngày làm lễ, trồng canh năm, sau khi bắn súng, hữu ty bày đặt cỗ bàn, vàng bạc, hương đèn, các hạng lễ phẩm ở các miếu đều đủ cả, biên binh thì bày hàng lỗ bộ, nghi trượng, nhã nhạc ở hai bên tả hữu trước sân miếu, hoàng tử, hoàng thân đều mặc áo thêu con mãng xà, chia đến các miếu đứng chờ làm lễ "tuế trừ"... lễ xong, hữu ty chiếu lệ, dựng nêu...". Về nguồn gốc ra đời của tập tục trên xuất phát từ một điển tích lâu đời, chuyện kể rằng xưa kia đất đai của người Việt thường bị quý dữ tranh giành nên con người trồng trồng, chăn nuôi đều bị quý phá phách làm cho mất mùa dẫn đến đời sống người dân điêu đứng. Trước tình cảnh đó, một vị Thần đã mách bảo cho người dân dùng một chiếc áo cà sa của Phật treo lên ngọn cây Nêu (cây tre được chặt sát gốc và để cả ngọn). Bóng chiếc cà sa đó trùm tới đâu thì quý phải lui tới đó, người Việt đã làm theo và khi chiếc áo cà sa được treo lên ngọn nêu thì bóng của nó tỏa ra bao phủ kín cả mặt đất nên lũ quý phải ra biển Đông, từ đó đất đai thuộc quyền quản lý của con người. Cũng từ đây, vào dịp tết nguyên đán, gia đình nào cũng trồng cây Nêu ở trước nhà.⁹ Cũng trong dịp tết nguyên

đán, người Hội An (chủ yếu các cụ cao niên) có thói quen chưng cảnh hoa mai trong nhà. Cảnh mai được các cụ chọn lựa một cách kỹ càng và được đặt ở vị trí trang trọng trong nhà, chưng từ mùng 1 đến mùng 7 tết. Cũng chính trong quãng thời gian này diễn ra phong tục bói hoa mai, các cụ tin rằng có thể nhìn vào đó mà đoán định được vận mệnh của gia đình trong năm này.

Có thể thấy rằng tín ngưỡng thờ cúng cây cối là một loại hình tín ngưỡng dân gian rất độc đáo ở Việt Nam nói chung, Hội An nói riêng. Tín ngưỡng này xuất phát từ lòng tin về một thế giới vô hình tồn tại và hiện diện ở khắp mọi nơi, trong đó có thần, ma ở cây cối và các thần linh luôn dõi theo phù trợ cho cuộc sống của con người. Hội An, vùng đất hội tụ của các nền văn hóa, với nhiều hình thức văn hóa tín ngưỡng khác nhau, trong đó tín ngưỡng thờ cúng cây cối là một bộ phận trong đời sống văn hóa tinh thần không thể thiếu của cộng đồng cư dân Hội An, góp phần làm phong phú, đa dạng các loại hình tín ngưỡng ở Hội An ♦

⁹ Nguyễn Bích Hằng - Lê Thị Uyên (2016) Phong tục và Lễ nghi cổ truyền Việt Nam – Hà Nội; NXB Hồng Đức - Tr.80-81.